

Số: /QĐ-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Đăk Lăk;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Lăk về danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2023; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển đổi mục đích dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 hecta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 của huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Buôn Đôn tại Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 03/01/2023; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 04/TTr-STNMT ngày 06/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Buôn Đôn với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch 2023

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		141.014,06	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	133.763,44	94,86
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.365,9	1,68
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1.520,0	1,08
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	NHK	8.237,8	5,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	17.047,2	12,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.093,2	2,90
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	93.966,5	66,64
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.736,0	5,49
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>6.773,82</i>	<i>4,80</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	119,0	0,08
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	197,9	0,14
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.573,9	4,66
2.1	Đất quốc phòng	CQP	750,0	0,53
2.2	Đất an ninh	CAN	4,5	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	29,3	0,02
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	53,1	0,04
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.417,1	2,42
2.9.1	<i>Đất y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,1</i>	<i>0,00</i>
2.9.2	<i>Đất giáo dục</i>	<i>DGD</i>	<i>44,7</i>	<i>0,03</i>
2.9.3	<i>Đất thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>10,6</i>	<i>0,01</i>
2.9.4	<i>Đất văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>5,3</i>	<i>0,00</i>
2.9.5	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.086,6</i>	<i>0,77</i>
2.9.6	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>290,4</i>	<i>0,21</i>
2.9.7	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1.968,1</i>	<i>1,40</i>
2.9.8	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,9</i>	<i>0,00</i>
2.9.9	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>4,4</i>	<i>0,00</i>
2.9.10	<i>Đất nghiên cứu khoa học</i>	<i>DKH</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2.9.11	<i>Đất cơ sở dịch vụ về xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2,10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,7	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	632,3	0,45
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,0	0,01

2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,9	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,8	0,00
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	174,3	0,12
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng. làm đồ gốm	SKX	20,6	0,01
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,3	0,01
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	2,9	0,00
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.300,8	0,92
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	146,3	0,10
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	676,8	0,48

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	159,3
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,4
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,0</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	20,6
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	128,4
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	10,2
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,1
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích
A	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN (1+2+3)		151,50
1	Đất nông nghiệp	NNP	146,33
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,38
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ trở lên)</i>	<i>LUC</i>	<i>0,02</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	13,97
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	122,07
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9,82
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,10
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,17
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	0,94
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,35
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,70
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,18

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân huyện Buôn Đôn có trách nhiệm:

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Buôn Đôn, danh mục công trình, dự án sử dụng đất phân bổ theo địa bàn hành chính cấp xã theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; thông báo thu hồi đất cho người sử dụng đất có đất bị thu hồi biết theo đúng nội dung và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật Đất đai trước khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện công trình, dự án;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt;

- Thông báo cho chủ đầu tư dự án thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp, thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất; đối với các dự án trọng điểm, cấp bách, đầu tư công, công trình an ninh, quốc phòng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Buôn Đôn được phê duyệt nhưng hiện tại chưa thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch khác thì tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo trước khi triển khai thực hiện; khu vực hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, đất phi nông nghiệp, đất thương mại, dịch vụ trên Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 của Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh;

- Đối với danh mục dự án sử dụng đất có nguồn gốc đất thu hồi của các Công ty nông, lâm nghiệp giao cho địa phương quản lý chỉ được triển khai thực hiện khi danh mục dự án có sử dụng đất phù hợp với phương án sử dụng đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không thuộc quy hoạch ba loại rừng;

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; tăng cường thanh tra, kiểm tra đất đai, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND ngày 15/10/2014 của UBND tỉnh, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt;

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được duyệt đối với nguồn gốc sử dụng đất, vị trí, diện tích các công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Buôn Đôn;

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Buôn Đôn về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 31/01/2024 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Giao Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Công nghệ và Công thông tin điện tử tỉnh) đăng tải Quyết định này lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Buôn Đôn; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (TLC-07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh